TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 167/2020/HS-PT
Ngày 18 - 5 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành;

Các Thẩm phán: Bà Phan Thị Thu Hương;

Ông Trần Thanh Phong.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Huy Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa*:** Ông Phan Hoàng Quân - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 379/2019/TLPT-HS ngày 11 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo Nguyễn Thị Thu H và các bị cáo khác; do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 412/2019/HS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố B.

- *Các bị cáo có kháng cáo*:

1. Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1987 tại Đồng Nai; Giấy chứng minh nhân dân số: 27178684X do Công an tỉnh Đồng Nai cấp ngày 02/11/2011; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Ấp L, xã T (nay là phường T), thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc D và bà Nguyễn Thị C; có chồng tên Bùi Quang Tr và có 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 12/3/2019, đến ngày 20/3/2019 được hủy bỏ tạm giữ; bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú theo Quyết định số: 592/QĐCĐKNCT ngày 09-9-2019 của Tòa án nhân dân thành phố B; có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Thị H1, sinh năm 1975 tại Thanh Hóa; Căn cước công dân số: 03817500204X cấp ngày 10/11/2016; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Tổ T, ấp L, xã T (nay là phường T), thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Th (chết) và bà Hoàng Thị T; có chồng tên Đoàn Đình X (chết) và có 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú theo Quyết định số: 595/QĐCĐKNCT ngày 09-9-2019 của Tòa án nhân dân thành phố B; có mặt tại phiên tòa.

3. Tống Nữ Châu Dạ Th, sinh năm 1972 tại Thừa Thiên-Huế; Giấy chứng minh nhân dân số: 27101195X do Công an tỉnh Đồng Nai cấp ngày 03/10/2019; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Ấp E, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tống Viết Á (chết) và bà Võ Thị H; có chồng tên Nguyễn Văn Th và có 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú theo Quyết định số: 594/QĐCĐKNCT ngày 09-9-2019 của Tòa án nhân dân thành phố B; có mặt tại phiên tòa.

4. Ngô Thị Ph (tên gọi khác: R), sinh năm 1955 tại Đồng Nai; Giấy chứng minh nhân dân số: 27024313X do Công an tỉnh Đồng Nai cấp ngày 27/10/2015; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Ấp L, xã T (nay là phường T), thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn M (chết) và bà Trần Thị H (chết); có chồng tên Huỳnh Văn S (đã ly hôn) và có 05 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 12/3/2019, đến ngày 20/3/2019 được hủy bỏ tạm giữ; bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú theo Quyết định số: 593/QĐCĐKNCT ngày 09-9-2019 của Tòa án nhân dân thành phố B; có mặt tại phiên tòa.

- Ngoài ra, vụ án còn có bị cáo Nguyễn Thị H2 không có kháng cáo và không bị kháng nghị; Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Nội dung chính:

Vào khoảng 17 giờ 00 phút ngày 11-3-2019, tại khu vực rừng tràm thuộc Tổ E, ấp L, xã T, thành phố B, Ngô Thị Ph chuẩn bị 01 bộ bài tây 52 lá, bạt ni-lon và đèn pin, để cho Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Thị H2, Tống Nữ Châu Dạ Th, Lê Thị H1 và tên Tr (không rõ địa chỉ), cùng 04 (bốn) người nữ giới (không rõ lai lịch, địa chỉ) đánh bạc thắng thua bằng tiền dưới hình thức "Cào cái". Ph quy định, người tham gia cầm cái 05 ván thì nộp xâu cho Ph số tiền từ 20.000 đồng (hai mươi nghìn đồng) đến 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng), bỏ vào lon sữa bò do Ph chuẩn bị sẵn ở chiếu bạc.

Cách thức đánh bạc như sau: Mỗi ván bài, người chơi đặt tiền cược trước vào "tụ" của mình số tiền từ 50.000 đồng (năm mươi nghìn đồng) đến 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng); sau đó, người làm cái dùng bộ bài Tây (loại 52 lá) chia đều mỗi "tụ" 03 (ba) lá bài, rồi tính điểm, để xác định thắng, thua. Khi lật bài lên, người làm cái sẽ lấy bài của mình so sánh với từng "tụ"; nếu bài của người làm cái lớn hơn bài của "tụ" nào, người làm cái sẽ thắng, được thu toàn bộ số tiền của "tụ" đó đã đặt và ngược lại (tức tỷ lệ thắng thua là 1-1); nếu bài của người làm cái và bài của người chơi bằng điểm nhau thì không thắng, không thua (huề). Một người có thể đặt nhiều "tụ" hoặc nhiều người có thể đặt chung một "tụ" (đặt ké).

Cách tính điểm: Lá bài Át (A) tính 01 điểm, lá bài in số (2,3,4…) tính điểm tương đương số in trên lá bài đó; lá bài hình Tây (J, Q, K) tính 10 điểm. Bài cao nhất là bài có 03 lá hình Tây, kế đến là bài có số điểm lần lượt là 9, 8, 7... Số điểm 10, 20, 30 gọi là "bù" (không có điểm).

Trong quá trình đánh bạc, ban đầu do người phụ nữ (không rõ nhân thân lai lịch) cầm cái, khoảng 17 giờ 30 phút Thu H tới tham gia đánh bạc, Thu H cầm cái đánh bạc đến khoảng 20 giờ 30 cùng ngày thì H2 đến tham gia đánh bạc. H2 cầm cái, còn Thu H tham gia đặt "tụ" cho tới khi bị bắt. Số tiền từng người sử dụng đánh bạc cụ thể như sau:

- Nguyễn Thị Thu H mang theo và sử dụng số tiền 9.400.000 đồng (chín triệu bốn trăm nghìn đồng) để đánh bạc. Quá trình đánh bạc, Thu H thua số tiền 3.400.000 đồng (ba triệu bốn trăm nghìn đồng). Khi bị bắt, thu giữ trên tay Thu H số tiền 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng) dùng vào việc đánh bạc.

- Nguyễn Thị H2 mang theo và sử dụng 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) để cầm cái đánh bạc. Khi H2 đang cầm cái đánh bạc thì bị bắt, Công an thu giữ toàn bộ số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) H đang dùng đánh bạc trên chiếu bạc.

- Lê Thị H1 mang theo 400.000 đồng (bốn trăm nghìn đồng) để đánh bạc. Quá trình đánh bạc, Lê Thị H1 thắng 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Toàn bộ số tiền trên Lê Thị H1 để dưới chiếu bạc và bị thu giữ.

- Tống Nữ Châu Dạ Th mang theo và sử dụng 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) để đánh bạc. Quá trình đánh bạc, Th thua số tiền 170.000 đồng (một trăm bảy mươi nghìn đồng). Khi bị phát hiện, thu giữ trên tay Th số tiền 430.000 đồng (bốn trăm ba mươi nghìn đồng) sử dụng vào việc đánh bạc. Ngoài ra, còn thu giữ trong cốp xe mô tô biển số 60C1-512.XX của Th 850.000 đồng (tám trăm năm mươi nghìn đồng) không liên quan đến việc đánh bạc.

Đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, khi Ph đã thu xâu được số tiền 220.000 đồng (hai trăm hai mươi nghìn đồng), Nguyễn Thị H2 đang tiếp tục làm cái đánh bạc thắng thua bằng tiền với Nguyễn Thị Thu H, Lê Thị H1, Tống Nữ Châu Dạ Th, Tr và 04 (bốn) đối tượng (không rõ lai lịch) thì bị phát hiện, bắt quả tang.

Ngoài ra, trong quá trình điều tra, Ngô Thị Ph khai nhận, kể từ đầu tháng 3/2019 đến ngày 10/3/2019, Ph tổ chức cho một số đối tượng (không rõ nhân thân lai lịch) tham gia đánh bạc và thu lợi bất chính số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Số tiền 220.000 đồng thu xâu ngày 11/3/2019, Ph đã dùng để mua cơm và nước cho những người đánh bạc hết.

2. Vật chứng:

- 01 bộ bài tây 52 lá dùng vào việc đánh bạc;

- Số tiền dùng vào việc đánh bạc 12.895.000 đồng (mười hai triệu tám trăm chín mươi lăm nghìn đồng), gồm:

+ Thu trên chiếu bạc 6.465.000 đồng;

+ Thu trên người của Nguyễn Thị Thu H 6.000.000 đồng, Tống Nữ Châu Dạ Th 430.000 đồng.

- Ngoài ra, thu trên xe mô tô của Th 850.000 đồng, 01 xe mô tô và 01 số điện thoại di động.

3. Quyết định của cấp sơ thẩm:

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 412/2019/HS-ST ngày 09-9-2019 của Tòa án nhân dân thành phố B, đã quyết định như sau:

- Tuyên bố các bị cáo phạm tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu H 04 (bốn) tháng tù.

- Xử phạt bị cáo Ngô Thị Ph 03 (ba) tháng tù.

- Xử phạt bị cáo Tống Nữ Châu Dạ Th 03 (ba) tháng tù.

- Xử phạt bị cáo Lê Thị H1 03 (ba) tháng tù.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H2 20.000.000 đồng.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo luật định.

4. Kháng cáo:

Trong thời hạn luật định, các bị cáo Nguyễn Thị Thu H, Tống Nữ Châu Dạ Th, Lê Thị H1 và Ngô Thị Ph kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu được hưởng án treo.

5. Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phúc thẩm:

Kiểm sát viên đã đánh giá, phát biểu quan điểm xử lý vụ án; xác định cấp sơ thẩm đã xem xét toàn diện vụ án và áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo; do đó, mức án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo là tương xứng với hành vi phạm tội, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tội danh:

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Thị Thu H, Tống Nữ Châu Dạ Th, Lê Thị H1 và Ngô Thị Ph khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2] Về kháng cáo:

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có nhân thân tốt; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm

trọng; thuộc các trường hợp được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Bị cáo Nguyễn Thị Thu H và Tống Nữ Châu Dạ Th có hoàn cảnh kinh tế khó khăn; gia đình bị cáo Ngô Thị Ph có công với cách mạng (mẹ ruột tên Trần Thị H được truy tặng danh hiệu Bà Mẹ Việt Nam Anh Hùng và có 02 anh trai là Liệt sỹ); thuộc trường hợp được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Về hình phạt: Các bị cáo đồng phạm giản đơn, hành vi bộc phát nhất thời và số tiền phạm tội không lớn. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy các bị cáo có nhân thân tốt; ngoài lần phạm tội này luôn chấp hành tốt chính sách, pháp luật tại địa phương; có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng và có khả năng tự cải tạo. Việc buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù là không cần thiết; do đó, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, chuyển sang hình phạt tiền là đủ răn đe, giáo dục và thu ngân sách Nhà nước.

Về biện pháp ngăn chặn: Hủy bỏ các Quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

[3] Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Đối với phần trình bày của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai không phù hợp với nhận định nêu trên, nên không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm đ khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị Thu H, Lê Thị H1, Tống Nữ Châu Dạ Th và Ngô Thị Ph;

Sửa về hình phạt đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 412/2019/HS-ST ngày 09-9-2019 của Tòa án nhân dân thành phố B.

1. Tội danh và hình phạt:

1.1. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 35 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Lê Thị H1 phải nộp 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng) về tội "Đánh bạc", sung vào công quỹ Nhà nước.

1.2. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, khoản 1 Điều 35 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu H phải nộp 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng) về tội "Đánh bạc", sung vào công quỹ Nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Tống Nữ Châu Dạ Th phải nộp 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) về tội "Đánh bạc", sung vào công quỹ Nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Ngô Thị Ph phải nộp 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng) về tội "Đánh bạc", sung vào công quỹ Nhà nước.

2. Về biện pháp ngăn chặn:

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

- Hủy bỏ Quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú số: 592/QĐCĐKNCT ngày 09-9-2019 của Tòa án nhân dân thành phố B đối với bị cáo Nguyễn Thị Thu H.

- Hủy bỏ Quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú số: 593/QĐCĐKNCT ngày 09-9-2019 của Tòa án nhân dân thành phố B đối với bị cáo Ngô Thị Ph.

- Hủy bỏ Quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú số: 594/QĐCĐKNCT ngày 09-9-2019 của Tòa án nhân dân thành phố B đối với bị cáo Tống Nữ Châu Dạ Th.

- Hủy bỏ Quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú số: 595/QĐCĐKNCT ngày 09-9-2019 của Tòa án nhân dân thành phố B đối với bị cáo Lê Thị H1.

3. Về án phí:

Các bị cáo Nguyễn Thị Thu H, Lê Thị H1, Tống Nữ Châu Dạ Th và Ngô Thị Ph không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Quyết định của bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo khác, về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các bị cáo (4);
- Tòa án nhân dân thành phố B;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B;
- Cơ quan Thi hành án hình sự - Công an thành phố B;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố B;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B;
- Phòng PV06 - Công an tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự, Văn phòng và Thẩm phán (4).

Đã ký và đóng dấu

Nguyễn Văn Thành